

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

**Báo cáo tài chính riêng  
cho Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[1] - [3]
<b>2. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	[4] - [7]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	[8] - [9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	[10] - [11]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	[12] - [33]

# CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty:

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 07 năm 2015 là 115.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ đồng*) tương đương 11.500.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên – Tổng Giám đốc Công ty.
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên
Ông An Hà My	Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kể từ ngày 06/05/2016 Công ty có công ty con như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn	Địa chỉ: Lô J7 đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Theo cam kết góp vốn Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết đối với Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn là 90%. Đến thời điểm ngày 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết theo vốn thực góp là 90%.

Công ty có chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.4, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng cho rằng, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

#### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018



**NGUYỄN VĂN SƠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B01-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>147.864.616.093</b>	<b>113.412.071.271</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>70.301.167.369</b>	<b>57.688.079.823</b>
1. Tiền	111		70.301.167.369	57.688.079.823
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.657.416.860</b>	<b>34.117.574.502</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.095.783.247	19.081.242.736
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.560.824.115	4.237.755.454
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	7.083.720.887	2.608.157.887
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	12.547.511.878	8.782.265.569
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(630.423.267)	(591.847.144)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>28.771.007.902</b>	<b>19.296.613.435</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.771.007.902	19.296.613.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.135.023.962</b>	<b>2.309.803.511</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	2.135.023.962	2.233.289.269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	67.490.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	9.023.937
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>79.616.499.477</b>	<b>90.281.577.270</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>163.200.000</b>	<b>10.068.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	163.200.000	10.068.200.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.104.078.059</b>	<b>20.688.259.646</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	22.764.695.377	19.198.366.834
- Nguyên giá	222		44.792.502.434	37.816.911.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.027.807.057)	(18.618.544.398)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	3.310.564.082	1.453.031.812
- Nguyên giá	225		4.097.870.909	1.712.487.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(787.306.827)	(259.455.461)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	28.818.600	36.861.000
- Nguyên giá	228		40.212.000	40.212.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.393.400)	(3.351.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>286.595.466</b>	<b>266.615.778</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	286.595.466	266.615.778
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>52.300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		45.000.000.000	43.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	9.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.062.625.952</b>	<b>6.958.501.846</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	8.062.625.952	6.958.501.846
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>227.481.115.570</b>	<b>203.693.648.541</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>87.910.628.293</b>	<b>62.295.429.560</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>85.371.649.277</b>	<b>60.915.064.000</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	20.797.687.509	21.800.087.255
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.715.256.420	1.669.167.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	6.390.287.543	5.290.994.556
4. Phải trả người lao động	314		2.040.821.807	2.416.973.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	500.000.000	490.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	18.702.931.440	1.028.515.564
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	33.645.959.520	27.049.518.923
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.169.806.781
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.538.979.016</b>	<b>1.380.365.560</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	220.430.120	117.350.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	2.318.548.896	1.263.015.560
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.570.487.277</b>	<b>141.398.218.981</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	139.570.487.277	141.398.218.981
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.545.455	41.545.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.336.780.824	10.899.319.177
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		13.192.160.998	15.457.354.349
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	15.457.354.349
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.192.160.998	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>227.481.115.570</b>	<b>203.693.648.541</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Văn Tuấn



  
Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B02-DN***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>57.239.342.032</b>	<b>56.210.487.485</b>	<b>154.220.729.417</b>	<b>171.035.863.396</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	111.645.395	6.874.593.110	111.645.395	6.874.593.110
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>57.127.696.637</b>	<b>49.335.894.375</b>	<b>154.109.084.022</b>	<b>164.161.270.286</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	37.565.566.028	31.761.125.308	95.968.261.470	97.196.148.171
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>19.562.130.609</b>	<b>17.574.769.067</b>	<b>58.140.822.552</b>	<b>66.965.122.115</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.681.793	111.217.973	19.428.918	146.105.316
7. Chi phí tài chính	22	6.5	628.285.811	797.687.945	2.044.378.757	2.162.273.929
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		628.285.811	797.687.945	2.044.378.757	2.162.273.929
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	6.760.457.259	8.509.626.275	30.399.773.015	35.188.373.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	2.683.369.708	2.038.042.002	9.452.544.526	9.944.778.697
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.496.699.624</b>	<b>6.340.630.818</b>	<b>16.263.555.172</b>	<b>19.815.801.260</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	280.678.701	491.328.441	495.843.514	602.998.991
12. Chi phí khác	32	6.7	(45.787.117)	777.062	-	9.297.364
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>326.465.818</b>	<b>490.551.379</b>	<b>495.843.514</b>	<b>593.701.627</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.823.165.442</b>	<b>6.831.182.197</b>	<b>16.759.398.686</b>	<b>20.409.502.887</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.998.381.060	1.366.236.439	3.385.627.709	4.081.900.577

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>7.824.784.382</b>	<b>5.464.945.758</b>	<b>13.373.770.977</b>	<b>16.327.602.310</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	680	475	1.163	1.420
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			-	-

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.759.398.686</b>	<b>20.409.502.887</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.621.114.348	4.191.005.536
- Các khoản dự phòng	03	38.576.123	591.847.144
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.428.918)	(146.105.316)
- Chi phí lãi vay	06	2.044.378.757	2.162.273.929
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>23.444.038.996</b>	<b>27.208.524.180</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.026.341.239)	(778.849.149)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.474.394.467)	(2.516.094.795)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.299.785.460	1.151.302.789
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.005.858.799)	309.133.231
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.044.378.757)	(2.162.273.929)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.601.977.462)	(4.372.915.922)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.590.873.732</b>	<b>18.838.826.405</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.540.626.037)	(14.848.090.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	67.000.000	6.725.144.300
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.475.563.000)	(2.223.276.104)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	690.128.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.700.000.000)	(25.790.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.000.000.000	37.155.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.428.918	146.105.316
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(629.760.119)</b>	<b>1.855.010.749</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Đơn vị tính: VND Năm 2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	79.532.816.809	78.670.816.325
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.477.422.876)	(78.087.112.783)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.403.420.000)	(400.086.664)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.791.583.389)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.651.973.933</b>	<b>(9.607.966.511)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>12.613.087.546</b>	<b>11.085.870.643</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>57.688.079.823</b>	<b>46.602.422.801</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>70.301.167.369</b>	<b>57.688.293.444</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Văn Tuấn



Nguyễn Văn Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/11/2006, thay đổi lần 09 ngày 14 tháng 07 năm 2015.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B09-DN

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có công ty con: Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 50.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại Lô J7, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hòa Hà, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Theo đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn	90%	90%

Từ ngày 06/05/2016 Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á. Đến ngày 31/12/2017, Công ty đã góp 45,0 tỷ đồng vào công ty con chiếm 90% vốn góp.

Công ty có chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B09-DN**

Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B09-DN**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15- 20 năm
Phương tiện vận tải	06- 10 năm
Máy móc thiết bị	06- 10 năm
Thiết bị văn phòng	03- 08 năm

**4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm	05 năm
----------	--------

**4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B09-DN**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.9 Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12 Doanh thu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Mẫu số B09-DN**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

**4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16 Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.17 Bên liên quan**

**4.18 Báo cáo theo bộ phận**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	7.192.365.644	4.753.001.339
Tiền gửi ngân hàng	61.779.232.332	52.935.078.484
Tiền đang chuyển	1.329.569.393	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>70.301.167.369</b>	<b>57.688.079.823</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>24.095.783.247</b>	-	<b>19.081.242.736</b>	-
Phải thu khách hàng (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	-	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	24.095.783.247	(630.423.267)	19.081.242.736	(591.847.144)
<b>Cộng</b>	<b>24.095.783.247</b>	<b>(630.423.267)</b>	<b>19.081.242.736</b>	<b>(591.847.144)</b>

**b) Phải thu khách hàng dài hạn****c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

-

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436.004.700	1.000.000.000
Các công ty khác	2.374.819.415	2.487.755.454
<b>Cộng</b>	<b>3.560.824.115</b>	<b>4.237.755.454</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cho vay	7.083.720.887		2.608.157.887	-
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (1)	100.000.000	-	350.000.000	-
- Ông Vũ Văn Luân (2)	250.000.000	-	400.000.000	-
- Bà Vũ Thị Tuyết (3)	-	-	500.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thêm (4)	300.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Trung Nam(5)	250.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	6.183.720.887		1.358.157.887	
<b>Cộng</b>	<b>7.083.720.887</b>	-	<b>2.608.157.887</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.5 Phải thu về cho vay (tiếp)**

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2016/HĐVV-HSDA ngày 20/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Thùy Linh số tiền 850.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVV-HSDA ngày 29/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và Ông Vũ Văn Luân số tiền 600.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(4) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2017/HĐVV-HSDA ngày 25/5/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Thêm số tiền 300.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(5) Theo hợp đồng vay vốn số 04/2017/HĐVV-HSDA ngày 15/6/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và Ông Nguyễn Trung Nam số tiền 350.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	12.547.511.878	-	8.782.265.569	-
- Phải thu khác	7.557.005.138	-	5.412.570.280	-
- Tạm ứng	4.990.506.740	-	3.369.695.289	-
- Phải trả, phải nộp khác(dư Nợ)	-	-	-	-
b) Dài hạn	163.200.000	-	10.068.200.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký	163.200.000	-	68.200.000	-
- Phải thu khác	-	-	10.000.000.000	-
<i>Công ty CP Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (i)</i>	-	-	<i>10.000.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>12.710.711.878</b>	<b>-</b>	<b>18.850.465.569</b>	<b>-</b>

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/HDA-NTL ngày 05 tháng 9 năm 2014, Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đầu tư dự án: Nhà ở chung cư cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại và nhà trẻ do Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long làm chủ đầu tư, tổng số vốn góp là 10 tỷ đồng tương ứng với 13,33% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ từ dự án tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Đến ngày 30/06/2017 dự án vẫn trong quá trình xây dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	45.000.000.000	-		52.500.000.000	-	
- Đầu tư vào Công ty con	45.000.000.000			43.500.000.000		-
<i>Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn</i>	<i>45.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>43.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-		-	-	
- Đầu tư khác	-			9.000.000.000		
<i>Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam-Tỷ lệ sở hữu 18%</i>	<i>-</i>			<i>9.000.000.000</i>		
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>-</b>		<b>52.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Giá trị TLDP	Giá gốc	Giá trị TLDP
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	135.016.431	192.880.615	96.440.308
Các công ty khác	990.813.672	495.406.836	990.813.672	495.406.836
<b>Cộng</b>	<b>1.183.694.287</b>	<b>630.423.267</b>	<b>1.183.694.287</b>	<b>591.847.144</b>

Các khoản nợ xấu của công ty đều quá hạn 1 năm đến 3 năm nên Công ty tiến hành trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1. Nguyên vật liệu	15.029.575.838	-	9.190.602.604	-
2. Công cụ, dụng cụ	259.259.552	-	377.096.390	-
3. Chi phí SXKD dở dang	7.866.049.684	-	3.095.469.754	-
<i>Chi tiết:</i>				
- CP SXKD dở dang tại Công ty	3.287.762.056	-	3.095.469.754	-
- CP SXKD dở dang tại Công trình khác	4.578.287.628	-	-	-
4. Thành phẩm nhập kho	4.686.217.094	-	4.239.747.534	-
5. Hàng hóa	875.457.012	-	2.339.248.431	-
6. Hàng gửi bán	54.448.722	-	54.448.722	-
<b>Cộng</b>	<b>28.771.007.902</b>	<b>-</b>	<b>19.296.613.435</b>	<b>-</b>

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	286.595.466	286.595.466	266.615.778	266.615.778
-Mua sắm TSCĐ	286.595.466	286.595.466	266.615.778	266.615.778
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.595.466</b>	<b>286.595.466</b>	<b>266.615.778</b>	<b>266.615.778</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	<b>Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.973.103.252	17.706.518.058	8.035.726.285	101.563.637		37.816.911.232
Tăng trong năm		6.551.247.306	1.100.301.819			7.651.549.125
- Mua trong năm		6.551.247.306	1.100.301.819			7.651.549.125
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Giảm trong năm			(675.957.923)			(675.957.923)
- Thanh lý, nhượng bán			(675.957.923)			(675.957.923)
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	11.973.103.252	24.257.765.364	8.460.070.181	101.563.637		44.792.502.434
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.887.398.231	9.870.034.317	5.759.548.213	101.563.637		18.618.544.398
Tăng trong năm	458.443.426	2.718.448.303	908.328.853			4.085.220.582
- Số khấu hao trong năm	458.443.426	2.718.448.303	908.328.853			4.085.220.582
Giảm trong năm			(675.957.923)			(675.957.923)
- Thanh lý, nhượng bán	-		(675.957.923)			(675.957.923)
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	3.345.841.657	12.588.482.620	5.991.919.143	101.563.637		22.027.807.057
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	9.085.705.021	7.836.483.741	2.276.178.072			19.198.366.834
2. Tại ngày cuối năm	8.627.261.595	11.669.282.744	2.468.151.038			22.764.695.377



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	<b>Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm			1.712.487.273			1.712.487.273
Tăng trong năm			2.385.383.636			2.385.383.636
- Thuê tài chính trong năm			2.385.383.636			2.385.383.636
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm			4.097.870.909			4.097.870.909
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm			259.455.461			259.455.461
Tăng trong năm			527.851.366			527.851.366
- Số khấu hao trong năm			527.851.366			527.851.366
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm			787.306.827			787.306.827
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm			1.453.031.812			1.453.031.812
2. Tại ngày cuối năm			3.310.564.082			3.310.564.082

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm		40.212.000		40.212.000
- Mua trong năm	-			-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	40.212.000	-	40.212.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm		3.351.000		3.351.000
- Số khấu hao trong năm		8.042.400		8.042.400
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	11.393.400	-	11.393.400
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	36.861.000	-	36.861.000
Tại ngày cuối năm	-	28.818.600	-	28.818.600

**5.12 Chi phí trả trước**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	2.135.023.962	2.233.289.269
b) Dài hạn	8.062.625.952	6.958.501.846
<b>Cộng</b>	<b>10.197.649.914</b>	<b>9.191.791.115</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2017				Đơn vị tính: VND 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>33.645.959.520</b>	<b>33.645.959.520</b>	<b>76.920.196.809</b>	<b>70.323.756.212</b>	<b>27.049.518.923</b>	<b>27.049.518.923</b>
Vay ngân hàng VND	33.645.959.520	33.645.959.520	76.920.196.809	70.323.756.212	27.049.518.923	27.049.518.923
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)</i>	15.085.181.485	15.085.181.485	28.391.310.731	23.415.178.177	10.109.048.931	10.109.048.931
<i>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)</i>	3.564.463.157	3.564.463.157	7.445.319.207	7.550.524.037	3.669.667.987	3.669.667.987
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)</i>	14.996.314.878	14.996.314.878	41.083.566.871	39.358.053.998	13.270.802.005	13.270.802.005
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>2.318.548.896</b>	<b>2.318.548.896</b>	<b>2.612.620.000</b>	<b>1.557.086.664</b>	<b>1.263.015.560</b>	<b>1.263.015.560</b>
Vay ngân hàng	2.318.548.896	2.318.548.896	2.612.620.000	1.557.086.664	1.263.015.560	1.263.015.560
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)</i>	28.888.896	28.888.896	-	86.666.664	115.555.560	115.555.560
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội (v)</i>	-	-	-	67.000.000	67.000.000	67.000.000
<i>Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (vi)</i>	2.289.660.000	2.289.660.000	2.612.620.000	1.403.420.000	1.080.460.000	1.080.460.000
<b>Cộng</b>	<b>35.964.508.416</b>	<b>35.964.508.416</b>	<b>79.532.816.809</b>	<b>71.880.842.876</b>	<b>28.312.534.483</b>	<b>28.312.534.483</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(i) Hợp đồng tín dụng số 2016/4729252/HĐTDHM ngày 17 tháng 6 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 214/2016-HĐTDHM/NHCT131-HDA ngày 30 tháng 9 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(iii) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/2012/0057 ngày 16 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, chi nhánh Trần Duy Hưng với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/472252/HĐTDTH ngày 29 tháng 4 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 350.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4729252/HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 260.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(v) Hợp đồng tín dụng số 629.14.081.1978415.TD ngày 03 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 400.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(v) Hợp đồng tín dụng số 630.14.081.1978415 ngày 24 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội, hạn mức tín dụng 148.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 24 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 7 năm 2016 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.14 Phải trả người bán**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>20.797.687.509</b>	<b>20.797.687.509</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.800.087.255</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	9.171.101.780	7.114.792.605	11.020.262.818	8.734.536.652
<i>Công ty TNHH Connell Bros</i>	6.047.792.605	6.047.792.605	6.555.986.652	6.555.986.652
<i>Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD</i>	1.067.000.000	1.067.000.000	2.178.550.000	2.178.550.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Sơn</i>	2.056.309.175	2.056.309.175	2.285.726.166	2.285.726.166
Các khoản phải trả người bán khác	11.626.585.729	13.682.894.904	10.779.824.437	13.065.550.603
<b>Cộng</b>	<b>20.797.687.509</b>	<b>20.797.687.509</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.800.087.255</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>		-	-	-

**5.14 Phải trả người bán (Tiếp theo)**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				

**5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Doanh nghiệp tư nhân Thanh San	244.349.914	346.862.055
Công ty TNHH Thái Hòa	-	238.837.528
Các đối tượng khác	1.470.906.506	1.083.467.467
<b>Cộng</b>	<b>1.715.256.420</b>	<b>1.669.167.050</b>

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
- Thuế GTGT	796.645.490	3.861.084.700	1.597.949.139	3.059.781.051
- Thuế TNDN	4.321.732.249	3.438.580.940	4.601.977.462	3.158.335.727
- Thuế TNCN	172.616.817	290.496.660	290.942.712	172.170.765
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.290.994.556</b>	<b>7.596.162.300</b>	<b>6.496.869.313</b>	<b>6.390.287.543</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	80.000.000	70.000.000
- Chi phí thuê nhà xưởng	-	420.000.000
- Các khoản trích trước khác	420.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>490.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.18 Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Kinh phí công đoàn	40.260.849	225.788.657
- Bảo hiểm xã hội	245.924.234	397.872.227
- Bảo hiểm y tế	-	19.423.013
- Phải trả, phải nộp khác	18.416.746.357	385.431.667
- Trong đó: - <i>Cổ tức 2016</i>	<i>13.800.000.000</i>	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>4.616.746.357</i>	<i>385.431.667</i>
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.702.931.440</b>	<b>1.028.515.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.19 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>41.545.455</b>	<b>8.899.319.149</b>	<b>-</b>	<b>12.204.753.344</b>	<b>136.145.617.948</b>
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước						15.490.170.614	15.490.170.614
Tăng khác				2.000.000.028	-		2.000.000.028
Giảm vốn trong năm trước						(2.394.515.705)	(2.394.515.705)
<i>Trích lập các quỹ(*)</i>						(2.394.515.705)	(2.394.515.705)
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác (*)						(643.053.904)	(643.053.904)
Phân phối lợi nhuận (*)						(9.200.000.000)	(9.200.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>41.545.455</b>	<b>10.899.319.177</b>	<b>-</b>	<b>15.457.354.349</b>	<b>141.398.218.981</b>
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						13.373.770.977	13.373.770.977
Tăng khác				437.461.647	-		437.461.647
Giảm vốn trong năm nay						(846.359.904)	(846.359.904)
<i>Trích lập các quỹ (**)</i>						(846.359.904)	(846.359.904)
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác						(992.604.424)	(992.604.424)
Phân phối lợi nhuận (**)						(13.800.000.000)	(13.800.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>41.545.455</b>	<b>11.336.780.824</b>	<b>-</b>	<b>13.192.160.998</b>	<b>139.570.487.277</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHCEĐ ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Đại Hội đồng cổ đông.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHCEĐ ngày 17 tháng 6 năm 2017 của Đại Hội đồng cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của công ty mẹ		
Vốn góp của các đối tượng khác	115.000.000.000	115.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.500.000</b>	<b>11.500.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.500.000</b>	<b>11.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	13.373.770.977	16.327.602.310
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.500.000	11.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.163</b>	<b>1.420</b>

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	11.336.780.824	10.899.319.177
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.336.780.824</b>	<b>10.899.319.177</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6.1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	- Doanh thu từ bán hàng và CCDV	154.220.729.417	171.035.863.396
	<b>Cộng</b>	<b>154.220.729.417</b>	<b>171.035.863.396</b>
	Doanh thu các bên liên quan		-
	Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		
6.2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Hàng bán bị trả lại	111.645.395	6.874.593.110
	<b>Cộng</b>	<b>111.645.395</b>	<b>6.874.593.110</b>
6.3	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	- Giá vốn hàng bán trong kỳ	95.968.261.470	97.196.148.171
	<b>Cộng</b>	<b>95.968.261.470</b>	<b>97.196.148.171</b>
6.4	Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Lãi tiền gửi, cho vay	19.428.918	146.105.316
	<b>Cộng</b>	<b>19.428.918</b>	<b>146.105.316</b>
6.5	Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Lãi tiền vay	2.044.378.757	2.162.273.929
	Lỗi chênh lệch tỷ giá		
	Chi phí tài chính khác		
	<b>Cộng</b>	<b>2.044.378.757</b>	<b>2.162.273.929</b>
6.6	Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Các khoản thu từ thanh lý TSCĐ	60.909.090	-
	Các khoản thu từ phạt vi phạm		
	Các khoản thu nhập khác	434.934.424	602.998.991
	<b>Cộng</b>	<b>495.843.514</b>	<b>602.998.991</b>
6.7	Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý	
		Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
	Các khoản chi phí khác	-	9.297.364
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.297.364</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý

Năm 2017  
(VND)Năm 2016  
(VND)

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:

9.452.544.526 9.944.778.697

Các khoản chi phí bán hàng:

30.399.773.015 35.188.373.545

**Cộng****39.852.317.541 45.133.152.242****Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng**

Hoàn nhập dự phòng bảo hành

Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác

Các khoản ghi giảm khác

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý

Năm 2017  
(VND)Năm 2016  
(VND)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

16.759.398.686 20.409.502.887

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

168.739.859 -

- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế

- -

Thu nhập chịu thuế

16.928.138.545 20.409.502.887

Thuế suất thuế TNDN

20% 20%

Chi phí thuế TNDN hiện hành

3.385.627.709 4.081.900.577

**Chi phí thuế TNDN hiện hành****3.385.627.709 4.081.900.577**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

